

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN M  
TỈNH L**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2021/DS-ST

Ngày: **26/02/2021**

*V/v tranh chấp Hui.*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M**

**- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Thanh L1.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

**1. Ông Nguyễn Văn L2.**

**2. Ông Võ Ngọc B.**

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Tuấn A – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện M.

Trong ngày **26 tháng 02 năm 2020**, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh L xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 229/2020/TLST-DS ngày 28 tháng 12 năm 2020, về việc “tranh chấp Hui”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2020/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 01 năm 2020 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:**

**1.1.** Bà Võ Thị Th, sinh năm 1965;

**1.2.** Ông Đỗ Tấn Qu, sinh năm 1963;

Cùng địa chỉ: Khu phố 2, thị trấn B, huyện M, tỉnh L.

*Người đại diện theo ủy quyền:* Bà Phan Thị Huyền Tr, sinh năm 1993; địa chỉ: Xã TL, huyện T, tỉnh L.

**2. Bị đơn:**

**2.1.** Bà Lê Thị Mỹ L3, sinh năm 1990;

**2.2.** Ông Kiều Hoài A1 (tên khác: Tèo), sinh năm 1986;

Cùng địa chỉ: Khu phố 2, thị trấn B, huyện M, tỉnh L.

**Bà Trang có mặt, bà L3 và ông A1 vắng mặt không có lý do.**

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Yêu cầu khởi kiện của Bà Võ Thị Th và ông Đỗ Tấn Qu:* Bà Võ Thị Th và ông Đỗ Tấn Qu yêu cầu bà Lê Thị Mỹ L3 và ông Kiều Hoài A1 phải liên đới trả cho bà Th và ông Qu số tiền hụi là 117.000.000 đồng; yêu cầu phải trả một lần, không yêu cầu tính lãi.

*Đề nghị của bà Lê Thị Mỹ L3 và ông Kiều Hoài A1:* Bà Lê Thị Mỹ L3 và ông Kiều Hoài A1 vắng mặt, không có ý kiến.

*Các tài liệu, chứng cứ do bà Võ Thị Th và ông Đỗ Tấn Qu:* Giấy chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu (bản sao), giấy hụi (bản photo), bản tự khai.

### *Các tình tiết của vụ án:*

*Các tình tiết do người đại diện của Bà Võ Thị Th và ông Đỗ Tấn Qu trình bày:* Bà Th và ông Qu có làm chủ dây hụi, khai ngày 15/02/2016 âm lịch, gồm 19 phần, mỗi phần 10.000.000 đồng, ba tháng khai một lần. Bà L3 và ông A1 hốt hụi ngày 15/02/2017 âm lịch nhưng không đóng lại hụi chết. Bà Th và ông Qu xác định không còn người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Bà Th và ông Qu đề nghị không công khai bản án trên cổng thông tin điện tử tòa án.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1]. *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:* Quan hệ pháp luật là “Hụi” được quy định tại Bộ luật dân sự. Bà Lê Thị Mỹ L3 và ông Kiều Hoài A1 có địa chỉ tại thị trấn B, huyện M, tỉnh L nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện M theo quy định tại các Điều 26, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. *Về việc giải quyết vắng mặt bà Lê Thị Mỹ L3 và ông Kiều Hoài A1:* Bà Lê Thị Mỹ L3 và ông Kiều Hoài A1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần theo quy định của pháp luật nhưng vẫn cố tình vắng mặt nên căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà L3 và ông A1.

[3]. *Về yêu cầu khởi kiện của Bà Võ Thị Th và ông Đỗ Tấn Qu:*

[3.1]. Bà Võ Thị Th và ông Đỗ Tấn Qu khởi kiện và cung cấp chứng cứ là giấy hụi; bà Lê Thị Mỹ L3 và ông Kiều Hoài A1 vắng mặt, không cung cấp tài

liệu, chứng cứ và cũng không có ý kiến phản bác yêu cầu khởi kiện của bà Th và ông Qu nên Tòa án căn cứ vào lời trình bày cùng tài liệu, chứng cứ của bà Th và ông Qu cung cấp để giải quyết vụ án theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3.2]. Theo nội dung giấy hội thì bà L3 và ông A1 có tham gia dây hội do bà Th và ông Qu có làm chủ dây hội, khai ngày 15/02/2016 âm lịch, gồm 19 phần, mỗi phần 10.000.000 đồng, ba tháng khai một lần. Bà L3 và ông A1 hót hội ngày 15/02/2017 âm lịch nhưng không đóng lại hội chết. Số tiền hội chết phải đóng lại là 117.000.000 đồng. Bà Th và ông Qu phải đóng choàng hội chết cho bà L3 và ông A1.

[3.3]. Theo bà Th và ông Qu trình bày, bà L3 và ông A1 tham gia hội để phục vụ cho kinh tế gia đình. Xét thời điểm bà L3 và ông A1 tham gia hội, cả hai là vợ chồng đang chung sống nên chấp nhận lời trình bày của bà Th và ông Qu, buộc bà L3 và ông A1 có nghĩa vụ liên đới trả nợ.

[3.4]. Từ những nhận định trên, căn cứ quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, các Điều 288, Điều 471 Bộ luật dân sự, Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Th và ông Qu đối với bà L3 và ông A1, buộc bà L3 và ông Anh có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Th và ông Qu số tiền 117.000.000 đồng.

[4]. Về thời gian trả và cách thức trả: Bà Th và ông Qu yêu cầu trả một lần, **bà L3 và ông A1 vắng mặt**, không có ý kiến nên xem như các đương sự không thỏa thuận được, vấn đề này thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan Thi hành án dân sự nên Tòa án không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[5]. Về án phí: Bà Lê Thị Mỹ L3 và ông Kiều Hoài A1 phải liên đới chịu số tiền 5.850.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm sung vào công quỹ Nhà nước. Bà Võ Thị Th và ông Đỗ Tấn Qu không phải chịu án phí nên được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

### QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào các Điều 288, Điều 471 Bộ luật dân sự, Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình, xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về tranh chấp hội của bà Võ Thị Th và ông Đỗ Tấn Qu đối với bà Lê Thị Mỹ L3 và ông Kiều Hoài A1, buộc bà L3 và ông A1 có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Th và ông Qu số tiền 117.000.000 (một trăm mười bảy triệu) đồng.

2. Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội,

2.1. Buộc bà Lê Thị Mỹ L3 và ông Kiều Hoài A1 phải liên đới chịu số tiền 5.850.000 (năm triệu tám trăm năm mươi ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm sung vào công quỹ Nhà nước.

2.2. Bà Võ Thị Th và ông Đỗ Tấn Qu không phải chịu án phí, hoàn trả cho bà Th và ông Qu số tiền 2.925.000 (hai triệu chín trăm hai mươi lăm ngàn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000153 ngày 28 tháng 12 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện M.

3. Đối với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng mà các bên không có thỏa thuận về việc trả lãi và trường hợp khoản tiền phải thu nộp vào ngân sách Nhà nước mà pháp luật có quy định nghĩa vụ trả lãi: Được thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào các Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự, các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết bản án.

5. Về việc thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND tỉnh L;
- VKSND tỉnh L;
- VKSND huyện M;
- CC.THADS huyện M;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thanh L1**